

# TRẦM CẢM Ở SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM HỌC 2020-2021 TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Phan Nguyệt Hà\*, Trần Thơ Nhi\*

## TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu là xác định tỷ lệ trầm cảm ở sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và một số yếu tố liên quan đến trầm cảm. Nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả cắt ngang trên 1325 sinh viên trường Đại học Y Hà Nội, công cụ để đánh giá trầm cảm là thang đo DASS 21. Các thông tin khác được thu nhập bằng bộ câu hỏi tự soạn. Kết quả cho thấy có 57,1% sinh viên có nguy cơ mắc trầm cảm. Trong đó trầm mức độ nhẹ: 16,5%, trầm cảm mức độ vừa: 25,1%, trầm cảm mức độ nặng: 7,1%, rất nặng: 8,4%. Các yếu tố liên quan đến nguy cơ trầm cảm ở sinh viên là: khó khăn với tài chính, khó khăn với học trực tuyến và Covid-19: lo lắng vì dịch bệnh đang lây lan rộng, lo lắng rằng mình có khả năng mắc bệnh, sợ hãi về nhà vì có khả năng lây nhiễm bệnh cho gia đình. Sinh viên tích cực rèn luyện, nâng cao sức khoẻ, có thời gian biểu khoa học. Nhà trường quan tâm, hỗ trợ sinh viên khó khăn về tài chính, tư vấn học tập.

**Từ khóa:** Trầm cảm, sinh viên, Covid-19, yếu tố liên quan

## SUMMARY

### DEPRESSION AMONG STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN THE ACADEMIC YEAR 2020-2021 UNDER COVID-19 PANDEMIC AND SOME RELATED FACTORS

This study aimed to determine the prevalence of depression among students of Hanoi Medical University in the academic year 2020-2021 under the context of Covid-19 pandemic and some related factors. A cross-sectional study was carried out on 1325 students of Hanoi Medical University using the DASS 21 scale to assess depression. Other information was collected by self-reported questionnaires. Results: the prevalence of depression among medical students was 57.1%. In which, mild depression was 16.5%, moderate depression accounted for 25.1%, severe depression was 7.1% and extreme severe was 8.4%. Factors associated with the risk of having depression among students were financial difficulties, difficulties regarding online learning. Covid-19 factors included worrying about the disease spreading and having sick, fear of infecting Covid-19 to the family. To enhance the mental health of students during Covid-19, they should actively practice, improve their health and have

\*Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Phan Nguyệt Hà

Email: phanhexdxd@gmail.com

Ngày nhận bài: 29.3.2022

Ngày phản biện khoa học: 20.5.2022

Ngày duyệt bài: 30.5.2022

an appropriate timetable. The school should provide care and supports students who have financial difficulties.

**Keywords:** Depression, students, Covid-19, related factors.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, trầm cảm là một trong những rối loạn tâm thần phổ biến và là mối quan tâm của cả cộng đồng. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), trung bình mỗi năm có khoảng 850.000 người tử vong do trầm cảm và ước tính đến năm 2030 sẽ trở thành nguyên nhân đứng đầu về gánh nặng bệnh tật [1]. Theo số liệu công bố trong nước, Việt Nam có ít nhất ba triệu thanh thiếu niên bị rối loạn tâm thần, chỉ 20% trong số đó được chẩn đoán và điều trị thích hợp [2].

Sinh viên ngành Y khoa với đặc thù là học tập trong một môi trường nghiêm ngặt, khối lượng kiến thức lớn, thời gian học dài, ngoài học lý thuyết trên giảng đường sinh viên còn phải thực hành lâm sàng hay trực tại bệnh viện. Khi có đại dịch COVID-19 xuất hiện thì những áp lực này càng là một gánh nặng về sức khỏe của sinh viên, đặc biệt là ảnh hưởng xấu đến tâm lý. Ở Mỹ, một nghiên cứu của Scott J. và cộng sự năm 2020 từ 40 trường đại học y khoa trong thời kỳ COVID19 cho tỷ lệ trầm cảm là 24,3% [3]. Ở Việt Nam, tỷ lệ trầm cảm sinh viên Y khoa trước đại dịch COVID19 dao động từ 15,2 – 52,8% thuộc các nghiên cứu khác nhau.

Trường Đại học Y Hà Nội đã có nhiều nghiên cứu (NC) trước đây về trầm cảm trên sinh viên tuy nhiên NC về thực trạng này trong bối cảnh đại dịch COVID-19 chưa được công bố trên các tạp chí nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy chúng tôi tiến hành NC đề tài: " Trầm cảm ở sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và một số yếu tố liên quan " với 2 mục tiêu cụ thể (1) Xác định tỷ lệ trầm cảm ở sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 trong bối cảnh đại dịch COVID-19; (2) Mô tả một số yếu tố liên quan đến trầm cảm ở sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu:

➤ **Tiêu chuẩn lựa chọn:**

- Sinh viên đang theo học chương trình đào tạo chính quy tại trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021.

- Sinh viên có thỏa thuận đồng ý tự nguyện tham gia vào nghiên cứu.

➤ **Tiêu chuẩn loại trừ:**

- Sinh viên vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu  
- Sinh viên không có khả năng trả lời các câu hỏi nghiên cứu

**2.2. Thời gian nghiên cứu:**

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 11/2021 đến tháng 6/2022

- Thời gian thu thập số liệu: Từ tháng 12/2021 đến tháng 2/2022

**2.3. Thiết kế nghiên cứu:** thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

**2.4. Mẫu và phương pháp chọn mẫu.** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng cho một tỷ lệ, sử dụng độ tin cậy là 95% ( $\alpha = 0,05$ ) và sai số trong khoảng cho phép là 10%.

$$p(1-p)$$

$$n = Z^2 \cdot \frac{p(1-p)}{\epsilon^2}$$

Trong đó: n: số sinh viên y cần nghiên cứu; p: tỷ lệ SV mắc trầm cảm  $p = 0,497$  (theo nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Nguyên [1]);  $\epsilon$ : Mức sai lệch tương đối giữa tham số mẫu và tham số quần thể, chọn  $\epsilon = 0,05$ . Thay số liệu vào công thức trên, cỡ mẫu NC là  $n = 1590$ . Sau khi thu thập số liệu và loại bỏ một số phiếu không hợp lệ cỡ mẫu cuối cùng phân tích được là 1325.

**Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện.

**2.5. Các biến số nghiên cứu**

- Các biến số về thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: giới, điểm trung bình học tập, thu nhập hàng tháng

- Các biến số cho mục tiêu 1: Tỷ lệ trầm cảm của sinh viên

- Các biến số và chỉ số cho mục tiêu 2

+ Yếu tố cá nhân: năm học, giới, thu nhập hàng tháng, khó khăn tài chính

+ Yếu tố học tập: điểm trung bình học tập, thi lại, khó khăn học trực tuyến

+ Yếu tố Covid-19: lo lắng rằng mình có khả năng mắc bệnh, sợ hãi về nhà vì có khả năng lây nhiễm bệnh cho gia đình, Covid-19 có ảnh hưởng tiêu cực có thể tác động đến sự nghiệp trong tương lai, lo ngại vì việc học tập hoặc các hoạt động ngoại khóa bị gián đoạn

**2.6. Công cụ thu thập số liệu.** Phỏng vấn theo bộ câu hỏi tự điền được thiết kế dựa vào

các biến số đã xây dựng và Thang đo DASS-21 (Depression Anxiety Stress Scale 21).

**2.7. Xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu được xử lý bằng phần mềm STATA14.0

**2.8. Đạo đức nghiên cứu.** Nghiên cứu đã được sự đồng ý của Trường Đại học Y Hà Nội. Đối tượng nghiên cứu được cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, nội dung của nghiên cứu, tự nguyện tham gia nghiên cứu, thông tin của đối tượng tham gia nghiên cứu hoàn toàn được giữ bí mật.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

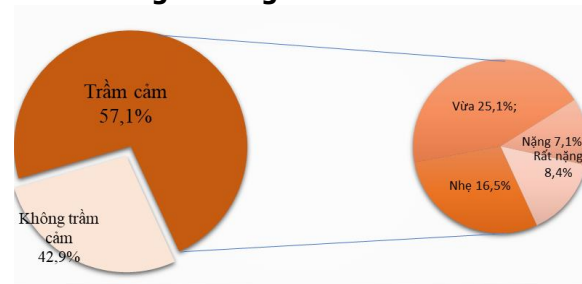
**3.1. Đặc điểm chung về đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 1. Một số thông tin chung về đối tượng nghiên cứu**

	Đặc điểm chung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới	Nữ	915	69,1
	Nam	410	30,9
Học lực	Giỏi/ xuất sắc	121	9,1
	Khá	785	31
	Trung bình	411	59,3
	Yếu/kém	8	0,6
Thu nhập	Trên 3 triệu đồng	246	18,8
	Từ 2 triệu đến 3 triệu đồng	451	34,5
	Từ 1 triệu đến 2 triệu đồng	326	24,9
	Dưới 1 triệu đồng	284	21,7

**Nhận xét:** Sinh viên nữ nhiều hơn sinh viên nam chiếm tỷ lệ 69,1%. Học lực của sinh viên tính theo quy chế đào tạo tín chỉ sinh viên đạt học lực loại trung bình chiếm đa số với tỷ lệ 59,3%, vẫn còn 0,6% đạt học lực yếu/ kém. Mức thu nhập trung bình 1 tháng của sinh viên bao gồm tiền trợ cấp của bố mẹ, bạn bè, người thân... và tiền do chính đối tượng tự kiếm được, chiếm hơn 1/3 là mức từ 2 triệu đến 3 triệu đồng (34,5 %) và mức trên 3 triệu đồng chiếm tỷ lệ thấp nhất (18,8 %).

**3.2. Tỷ lệ trầm cảm của sinh viên y khoa theo đánh giá thang DASS21**



**Biểu đồ 1. Tỷ lệ trầm cảm của sinh viên y khoa**

**Nhận xét:** Từ biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ trầm cảm chung trong sinh viên chiếm 57,1%. Trong đó tỷ lệ trầm cảm mức độ nhẹ, vừa, nặng và rất nặng lần lượt là 16,5%, 25,1%, 7,1% và 8,4%.

### 3.3. Một số yếu tố liên quan đến nguy cơ trầm cảm của sinh viên y khoa

**Bảng 2. Một số yếu tố liên quan đến nguy cơ trầm cảm của sinh viên y khoa**

Yếu tố liên quan		Có trầm cảm n(%)	Không trầm cảm n(%)	OR (95%CI)
<b>Yếu tố cá nhân:</b>				
Năm học	Y1	268 (56,1)	210 (43,9)	1
	Y2	165 (55,9)	130 (44,1)	0,99 (0,74 - 1,33)
	Y3	75 (56,8)	57 (43,2)	1,03 (0,70 - 1,52)
	Y4	124 (63,3)	72 (36,7)	1,34 (0,96 - 1,90)
	Y5	99 (53,8)	85 (37,5)	0,91 (0,65 - 1,28)
	Y6	25 (62,5)	15 (37,5)	1,31 (0,67 - 2,53)
Giới	Nữ	530 (57,9)	385 (42,1)	1
	Nam	226 (55,1)	184 (44,9)	0,89 (0,70 - 1,12)
Tình trạng thu nhập hàng tháng	Trên 3 triệu đồng	111 (45,1)	135 (54,9)	1
	Từ 2 đến 3 triệu đồng	261 (57,9)	190 (42,1)	1,67 (1,22 - 2,28)
	Từ 1 đến 2 triệu đồng	202 (62)	124 (38)	1,98 (1,41 - 2,77)
	Dưới 1 triệu đồng	171(60,2)	113 (39,8)	1,84 (1,30 - 2,60)
Khó khăn tài chính	Không	377 (49,9)	379 (50,1)	1
	Có	376 (66,7)	188 (33,3)	2,01 (1,60 - 2,51)
<b>Yếu tố học tập:</b>				
Điểm trung bình học kỳ vừa qua	Giỏi	75 (62)	46 (38)	1
	Khá	438 (55,8)	347 (44,2)	0,77 (0,52 - 1,15)
	Trung bình	239 (58,2)	172 (41,9)	0,85 (0,56 - 1,29)
	Yếu/kém	4 (50)	4 (50)	0,61 (0,15 - 2,57)
Thi lại	Không	659 (57)	497 (43)	1
	Có	94 (57)	71 (43)	1,00 (0,71 - 1,39)
Khó khăn học trực tuyến	Không	198 (47)	223 (53)	1
	Có	556 (57,1)	343 (42,9)	1,82 (1,44 - 2,31)
<b>Yếu tố Covid-19:</b>				
Lo lắng vì dịch bệnh đang lây lan rộng	Không	86 (55,5)	69 (44,5)	1
	Có	668 (57,2)	499 (42,8)	1,07 (0,77 - 1,50)
Lo lắng rằng mình có khả năng mắc bệnh	Không	241 (51,6)	226 (48,4)	1
	Có	513 (60,1)	340 (39,9)	1,41 (1,13 - 1,78)
Sợ hãi về nhà vì có khả năng lây nhiễm bệnh cho gia đình	Không	182 (48,2)	195 (51,7)	1
	Có	573 (60,5)	374 (39,5)	1,64 (1,29 - 2,09)
Những ảnh hưởng tiêu cực có thể tác động đến sự nghiệp trong tương lai	Không	213 (48)	231 (52)	1
	Có	539 (61,6)	336 (38,4)	1,74 (1,38 - 2,19)
Lo ngại vì việc học tập hoặc các hoạt động ngoại khoá bị gián đoạn	Không	110 (46,6)	126 (53,4)	1
	Có	645 (59,5)	439 (40,5)	1,68 (1,27 - 2,23)

**Nhận xét:**

**Yếu tố bản thân:** SV khó khăn tài chính có nguy cơ bị trầm cảm cao hơn 2 lần so với sinh viên học không khó khăn tài chính (OR=2,01; 95%CI: 1,60- 2,52). SV có thu nhập hàng tháng dưới 3 triệu có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp

2 lần so với sinh viên có thu nhập hàng tháng trên 3 triệu đồng 1,67 (1,22 - 2,28) 1,98 (1,41 - 2,77) 1,84 (1,30 - 2,60)

**Yếu tố học tập:** SV gặp khó khăn khi học trực tuyến có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp hơn 2 lần so với sinh viên không gặp khó khăn khi

học trực tuyến (OR=1,82; 95%CI: 1,44 – 2,31)

**Yếu tố Covid-19:** Sinh viên lo lắng rằng mình có khả năng mắc bệnh có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp 1,5 lần so với sinh viên không lo lắng (OR=1,41; 95%CI: 1,13– 1,78); sợ hãi về nhà vì có khả năng lây nhiễm bệnh cho gia đình có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp hơn 2 lần (OR=1,64; 95%CI: 1,29– 2,09); COVID19 có ảnh hưởng tiêu cực có thể tác động đến sự nghiệp trong tương lai nguy cơ bị trầm cảm cao gấp 2 lần (OR=1,74; 95%CI: 1,38 – 2,19); lo ngại vì việc học tập hoặc các hoạt động ngoại khóa bị gián đoạn có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp gần 2 lần (OR=1,68; 95%CI: 1,27 – 2,23).

#### IV. BÀN LUẬN

##### 4.1. Tỷ lệ sinh viên có nguy cơ trầm cảm:

Tỷ lệ TC ở SVY Hà Nội trong thời kỳ đại dịch COVID-19 (57,1%) cao hơn rất nhiều so với nghiên cứu của WHO về tỷ lệ trầm cảm chung của người Việt Nam là 4% [1]. Sự khác biệt này có thể giải thích là do sự khác nhau về tiêu chuẩn đề chẩn đoán, nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ trầm cảm được tính dựa vào điểm số, trong khi đó WHO sử dụng tiêu chuẩn chẩn đoán lâm sàng. Kết quả nghiên cứu này cũng cao hơn so với một số nghiên cứu trước đây trên SV trường ĐH Y Hà Nội như NC Nguyễn Hoàng Nguyên trên sinh viên hệ bác sỹ khối Y1,3,6 là 48,7% [4]; NC của Hà Thị Hạnh trên sinh viên khối Y2 với tỷ lệ trầm cảm chung là 28,46% [5] hay nghiên cứu của Lê Thị Vũ Huyền trên SV năm nhất là 52,8% [6]. Sự khác biệt này là do có sự khác nhau về cách chọn mẫu cũng như công cụ nghiên cứu. Một yếu tố làm cho kết quả của chúng tôi cao hơn những nghiên cứu có sử dụng cùng thang DASS là các nghiên cứu tiến hành ở các thời gian khác nhau và địa điểm nghiên cứu khác nhau. Nghiên cứu của chúng tôi tiến hành đúng thời điểm giãn cách xã hội do dịch covid các sinh viên chủ yếu học online, mối quan hệ xã hội bị thu hẹp nên có thể có ảnh hưởng tới sức khỏe tinh thần nói chung và trầm cảm nói riêng. Điều này cũng có thể làm tăng tỷ lệ trầm cảm cao hơn điều kiện bình thường.

**4.2. Mối liên quan giữa trầm cảm và yếu tố cá nhân.** Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng thu nhập trung bình hàng tháng có mối liên quan chặt chẽ với trầm cảm của sinh viên. Sinh viên có thu nhập trung bình hàng tháng từ 1 triệu đồng đến 2 triệu đồng và dưới 1 triệu đồng có nguy cơ bị trầm cảm lần lượt cao gấp 2,67 lần và 3,52 lần so với sinh viên có thu nhập trên 3 triệu đồng. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Nguyễn

Thành Trung là sinh viên y khoa có thu nhập bình quân của gia đình từ 1 triệu đến 1,3 triệu có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp 2 lần so với sinh viên y khoa có thu nhập bình quân của gia đình trên 2 triệu [7]. Khi điều kiện kinh tế không cho phép, những dẫn đo trong chi tiêu sẽ khiến sinh viên nói chung và sinh viên Y nói riêng gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, từ đó dẫn đến những suy nghĩ tiêu cực.

Những sinh viên khó khăn tài chính có nguy cơ bị trầm cảm cao hơn 2 lần so với sinh viên học không khó khăn tài chính, kết quả này tương đương với nghiên cứu của Lê Thị Vũ Huyền trên sinh viên hệ bác sỹ năm thứ nhất trường Đại học Y Hà Nội (OR=1,63)

Học tập là công việc quan trọng đối với sinh viên Y, áp lực học tập trên sinh viên Y là rất lớn, nhất là khi thời gian này sinh viên phải làm quen với hình thức học mới là học trực tuyến. Trong nghiên cứu của chúng tôi, sinh viên gặp khó khăn trong học trực tuyến có nguy cơ bị trầm cảm cao gấp 2 lần so với sinh viên khác.

**4.3. Mối liên quan giữa trầm cảm và yếu tố Covid-19.** Điểm mới trong nghiên cứu này của chúng tôi là phân tích mối liên quan giữa trầm cảm và yếu tố Covid-19. Yếu tố lo lắng vì dịch bệnh đang lan rộng chiếm 57,2% trong số các sinh viên mắc trầm cảm, tỷ lệ này cao hơn nhiều so với NC của Nadia B. và cộng sự về lo lắng sự lây lan dịch bệnh trên sinh viên ở Đại học Jouf năm 2021 (22,4%) [6],[7]. Ngoài ra các yếu tố do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 mang lại như lo lắng rằng mình có khả năng mắc bệnh, sợ hãi về nhà vì có khả năng lây nhiễm bệnh cho gia đình, Covid-19 có ảnh hưởng tiêu cực có thể tác động đến sự nghiệp trong tương lai, lo ngại vì việc học tập hoặc các hoạt động ngoại khóa bị gián đoạn, đều có mối liên quan đến trầm cảm trên sinh viên y khoa.

#### V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 có nguy cơ trầm cảm là 57,1%. Trong đó trầm mức độ nhẹ: 16,5%, trầm cảm mức độ vừa: 25,1%, trầm cảm mức độ nặng: 7,1%, rất nặng: 8,4%. Các yếu tố liên quan đến nguy cơ trầm cảm ở sinh viên là: khó khăn với tài chính, khó khăn với học trực tuyến và Covid-19: lo lắng rằng mình có khả năng mắc bệnh, sợ hãi về nhà vì có khả năng lây nhiễm bệnh cho gia đình, Covid-19 có ảnh hưởng tiêu cực có thể tác động đến sự nghiệp trong tương lai, lo ngại vì việc học tập hoặc các hoạt động ngoại khóa bị gián đoạn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Thị Hạnh, Đặc điểm nhân cách và trầm cảm ở sinh viên năm 2 hệ bác sĩ trường Đại học Y Hà Nội năm học 2016-2017 - Ha Noi Medical University Library, 2017.
2. Lê Thị Vũ Huyền, Trầm cảm theo thang Dass 21 ở sinh viên hệ bác sĩ y khoa năm thứ nhất trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021 và một số yếu tố liên quan - Tạp chí Y học Việt Nam 509, số p.h 2, 2021.
3. Nguyễn Hoàng Nguyên, Trầm cảm, lo âu và stress ở sinh viên hệ bác sĩ trường Đại học Y Hà Nội năm học 2018—2019 và một số yếu tố liên quan – Ha Noi Medical University Library, 2019.
4. Nguyễn Thành Trung, Thực trạng stress, lo âu, trầm cảm và các yếu tố liên quan trong sinh viên cử nhân trường Đại học Y tế công cộng năm 2017
5. Halperin, Scott J., Matthew N. Henderson, Sofia Prenner, Prevalence of Anxiety and Depression Among Medical Students During the Covid-19 Pandemic: A Cross-Sectional Study – Journal of Medical Education and Curricular Development, 2020
6. Nadia B. Elsharkawy, Enas M. Abdelaziz, Levels of fear and uncertainty regarding the spread of coronavirus disease (COVID-19) among university students- Perspectives in Psychiatric Care, 2021.
7. Jean-Marc Olivé, Ngày Sức khỏe Tâm thần Thế giới – Một căn bệnh tiềm ẩn, 2015.

## ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG VÀ KẾT QUẢ PHẪU THUẬT NỘI SOI ĐƯỜNG MIỆNG ĐIỀU TRỊ UNG THƯ TUYẾN GIÁP GIAI ĐOẠN T3b

Nguyễn Xuân Hậu<sup>1,2</sup>, Nguyễn Xuân Hiền<sup>2</sup>

### WITH INVASION STRAP MUSCLE

**Objectives:** To evaluate the clinical characteristics and the results of transoral endoscopic thyroidectomy vestibular approach (TOETVA) in the treatment of thyroid cancer with invasion of the strap muscle. **Methods:** A prospective study on 28 patients with papillary thyroid cancer invading strap muscle by TOETVA at Hanoi Medical University Hospital from January 2019 to December 2021. **Results:** The mean age was 39±8.9; 92.8% female. Results of ultrasound presented that the average tumor size was 8.3±3.2mm, there was no case of tumor invading the strap muscle on preoperative ultrasound. Histopathology after surgery was 100% papillary thyroid cancer, with invasion strap muscle. Metastasis of the central lymph nodes was detected in 10 cases (35.7%). The average surgery time was 120±24 minutes. Temporary hoarseness was found in 7.1% of cases, hypocalcemia was found in 3.6% of cases. High levels of Tg or anti-Tg after surgery were found in 8 cases (28.5%), however the concentration of Tg and anti-Tg were below the normal value after I131 treatment. **Conclusion:** TOETVA still achieves safety, efficacy and initial oncological assurance in the treatment of thyroid cancer with invasion of the strap muscle.

**Keywords:** thyroid cancer, transoral endoscopic thyroidectomy vestibular approach

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo GLOBOCAN 2020, trong số các bệnh lý ác tính, ung thư tuyến giáp đứng thứ 9 về tỉ lệ mắc mới. Tuy nhiên, nếu xét riêng nhóm tuổi từ 20-50, ung thư tuyến giáp hay gặp thứ 3 sau ung thư vú và ung thư cổ tử cung.<sup>1</sup>

Năm 2016, tác giả Anuwong đã lần đầu tiên mô tả phương pháp phẫu thuật cắt tuyến giáp nội soi qua đường miệng (Transoral endoscopic thyroidectomy vestibular approach -TOETVA)

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá đặc điểm lâm sàng và kết quả phẫu thuật nội soi đường miệng trong điều trị ung thư tuyến giáp xâm lấn cơ trước giáp. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Tiến cứu trên 28 bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể nhú xâm lấn cơ trước giáp (T3b) được phẫu thuật nội soi tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội từ 1/2019 đến tháng 12/2021. **Kết quả:** Độ tuổi trung bình là 39±8,9; 92,8% nữ giới. Trên siêu âm kích thước u trung bình là 8,3±3,2mm, không có trường hợp nào phát hiện u xâm lấn cơ trước giáp trên siêu âm trước mổ. Tất cả trường hợp sau mổ chẩn đoán ung thư tuyến giáp thể nhú, có xâm nhập mô cơ vận, 10 trường hợp (35,7%) phát hiện di căn hạch cổ trung tâm sau mổ. Thời gian phẫu thuật trung bình là 120±24 phút. Nổi khàn tạm thời gặp ở 7,1% trường hợp, tê bì tay chân gặp ở 3,6% trường hợp. Nồng độ Tg, anti-Tg cao sau mổ gặp ở 8 trường hợp (28,5%), tuy nhiên nồng độ thấp dưới ngưỡng sau khi điều trị I131. **Kết luận:** Phẫu thuật nội soi đường miệng đạt được an toàn, hiệu quả và bước đầu đảm bảo về mặt ung thư học trong điều trị ung thư tuyến giáp xâm lấn cơ trước giáp.

**Từ khóa:** ung thư tuyến giáp, phẫu thuật nội soi tuyến giáp đường miệng

### SUMMARY

#### THE CLINICAL CHARACTERISTICS AND THE RESULTS OF TRANSORAL ENDOSCOPIC THYROIDECTOMY VESTIBULAR APPROACH IN THE TREATMENT OF THE THYROID CANCER

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Hà Nội

<sup>2</sup>Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Xuân Hậu

Email: nguyensexuanhau@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 4.4.2022

Ngày phản biện khoa học: 23.5.2022

Ngày duyệt bài: 31.5.2022